TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2019
V/v. Tranh chấp về
Hôn nhân và Gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hoa**

- Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Bùi Văn Thiệu;**

2. Ông: **Bùi Văn Ơn**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà bà: **Hoàng Thị Khánh Linh** - Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà ông **Lê Xuân Trường**- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX-ST ngày 28/2/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Bùi Văn Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: xóm Dài 1, xã Bình Chân, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Có mặt.

- Bị đơn: chị Bùi Thị Hồng H, sinh năm 1990; Địa chỉ: xóm Dài 1, xã Bình Chân, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Vắng mặt lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn Q trình bày:

Về tình cảm: anh và chị Bùi Thị Hồng H kết hôn từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Chân và tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương.

Thời gian đầu chung sống, hai vợ chồng sống hòa thuận, yêu thương nhau, đến năm 2018 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất hòa, nguyên nhân là do chị H vay mượn số tiền lớn, chị H còn mang giấy tờ tùy thân của anh và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố anh Q để thế chấp vay tiền nhằm mục đích phục vụ mục đích ăn chơi của chính bản thân mình khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài thêm được nữa. Cuối năm 2018 chị H đã bỏ đi không cung cấp địa chỉ và cũng không liên lạc hay quan tâm đến con cái. Cho đến thời điểm này, anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Bùi Thị Hồng H để anh ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Q và chị H có 01 con chung là cháu Bùi Trí Dũng (con trai), sinh ngày 20/11/2011. Khi vợ chồng ly hôn anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dũng và chưa yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ: anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Q không có yêu cầu gì thêm.

Về phía bị đơn chị Bùi Thị Hồng H: Sau khi thụ lý vụ án,Tòa án đã gửi các các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, chị H vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

***** Quá trình giải quyết vụ án cháu Bùi Trí Dũng trình bày bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với bố.

**** Theo biên bản xác minh ngày ngày 26/2/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Bùi Thị Hồng H và anh Bùi Văn Q có nội dung:***

Anh Bùi Văn Q và chị Bùi Thị Hồng H kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Bình Chân. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2018 đến nay hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do chị H vay mượn số tiền lớn, chị H còn mang giấy tờ tùy thân của anh Q và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố anh Q để thế chấp vay tiền nhằm phục vụ mục đích riêng của chính bản thân mình.

Mặc dù đã được bố mẹ hai bên khuyên bảo nhưng chị H không hề thay đổi khiến mâu thuẫn vợ chồng, nên trầm trọng, chị H đã bỏ đi và không liên lạc gì với con cũng như anh Q và gia đình anh Q. Hai vợ chồng li thân từ đầu năm 2018 đến nay nên khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Q và chị H có 01 con chung là cháu Bùi Trí Dũng (con trai) sinh ngày 20/11/2011. Hiện nay cháu Dũng đang ở với bố.

Về điều kiện nuôi con của anh Q và chị H: anh Q có công việc chính là cán bộ của Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn, chị H cũng từng công tác cùng cơ quan với anh Q, nhưng sau khi vay nợ với số tiền lớn chị H đã bỏ đi và đã bị phía Trung tâm y tế chấm dứt công việc. Từ ngày chị H bỏ nhà đi đến nay, anh Q một mình chăm sóc giáo dục cháu Dũng rất tốt, chị Hạnh không quan tâm chăm sóc, liên lạc gì với cháu Dũng. Vì

vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn giao cháu Dũng cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân**:** xác định mâu thuẫn giữa anh Q và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Trí Dũng cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q chưa yêu cầu chị H thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

- Về tài sản chung, công nợ chung: anh Q đề nghị tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không đề cập giải quyết trong vụ án.

- Về án phí: anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn là chị Bùi Thị Hồng H có hộ khẩu thường trú tại xóm Dài 1, xã Bình Chân, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy,Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tống đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Chị H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hòa giải hai lần nhưng chị H đều không đến để tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Bị đơn là chị Bùi Thị Hồng H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

2 Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh Q và chị H và không có hạnh phúc; do chị H vay mượn số tiền lớn nhằm phục vụ

mục đích cá nhân của chính mình vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên căng thẳng, bất hòa.

Từ những nhận định trên mâu thuẫn giữa anh Q và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về con chung và cấp dưỡng:

Vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Trí Dũng, sinh ngày 20/11/2011. Nguyện vọng của anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh Q chưa yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Dũng trình bày nguyện vọng muốn ở với anh Q khi bố mẹ ly hôn. Theo kết quả xác minh tại địa phương thấy hiện tại chị H đã bỏ đi, không có công việc và chỗ ở ổn định. Anh Q có chỗ ở ổn định, công việc cố định đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con cái. Hơn nữa, kể từ khi bỏ đi đến nay chị H không quan tâm, chăm sóc và liên lạc với cháu Dũng. Xuất phát từ điều kiện thực tế của các bên đương sự và quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên cũng như để cho cháu Dũng có cuộc sống ổn định; căn cứ các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh Q là giao cháu Bùi Trí Dũng cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: anh Q chưa đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương về điều kiện nuôi con của anh Q; căn cứ các Điều 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX thấy chưa cần thiết giải quyết vấn đề vấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án. Việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147, 227; 228; 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: anh Bùi Văn Q được ly hôn với chị Bùi Thị Hồng H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Trí Dũng, sinh ngày 20/11/2011 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 4/2019 trở đi cho đến khi cháu Dũng đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: anh Bùi Văn Q phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0000648 ngày 23/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Anh Bùi Văn Q đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thì hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND huyện Lạc Sơn;*
- *CCTHA huyện Lạc Sơn;*
- *UBND xã Bình Chân;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*